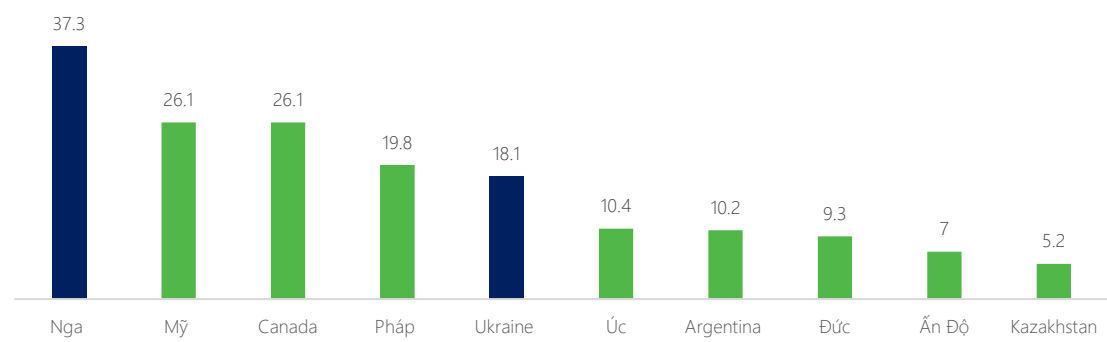


Điểm nhấn



Nga và Ukraine chiếm vai trò quan trọng trong ngành lúa mì khi đứng top 10 nguồn cung lớn nhất (Nguồn: Statista)

- Lúa mì (+1,20% DoD):** Giá lúa mì tiếp tục đà tăng, chạm mốc 695,75 USD/giạ và tiếp tục hướng về mốc 700 USD/giạ, tăng 1,2% so với ngày trước đó. Nguyên nhân chủ yếu do các e ngại về nguồn cung khi Nga đang có ý định rút ra khỏi thỏa thuận ngũ cốc với Ukraine tại biển Đen.
- Gạo (-3,5% DoD):** Giá gạo bất ngờ điều chỉnh về mốc 17,190 USD/tạ. Tuy nhiên, đà tăng và các e ngại về nguồn cung vẫn duy trì khi sản lượng giảm do thời tiết không thuận lợi tại Thái lan và Campuchia. Ngoài ra, USDA cũng dự báo niên vụ 2023/2024 sẽ có đợt giảm mạnh nhất trong vòng 2 thập kỷ.
- Khí tự nhiên (-4,9% DoD):** Giá khí tự nhiên tại Mỹ bất ngờ điều chỉnh về quanh 2,5 USD/MMBtu do các nhà đầu cơ cố gắng can thiệp vào giá. Tuy vậy, triển vọng giá tăng vẫn còn duy trì khi thời tiết nóng hơn và các nguồn cung giảm.

Ngành chú ý & đánh giá của Wetrade

| Hàng hóa     | Trend hàng hóa | Ngành đáng chú ý             | Xu hướng giá cổ phiếu của ngành | Cổ phiếu đáng chú ý | Wetrade Ratings |
|--------------|----------------|------------------------------|---------------------------------|---------------------|-----------------|
| Gạo          | Hồi phục       | Thực phẩm & Đồ uống          | Giảm mạnh                       | TAR                 | C               |
|              |                |                              |                                 | PAN                 | D               |
| Khí tự nhiên | Hồi phục       | Điện nước & Xăng dầu khí đốt | Giảm mạnh                       | NT2                 | B               |
|              |                |                              |                                 | POW                 | D               |

Truy cập [wetrade.dsc.com.vn](https://wetrade.dsc.com.vn) để theo dõi hệ thống xếp hạng cổ phiếu

Chỉ số vĩ mô & thị trường chứng khoán & thị trường hàng hóa

Chỉ số vĩ mô

| Chỉ số       | Giá trị | % D     | XH trung hạn | % 3M    | % 6M    | Giá 6M |
|--------------|---------|---------|--------------|---------|---------|--------|
| S&P 500      | 4,389   | ▼ -0,5% | Tăng mạnh    | ▲ 11,1% | ▲ 14,8% |        |
| VNIndex      | 1,112   | ▲ 0,6%  | Tăng mạnh    | ▲ 8,7%  | ▲ 8,7%  |        |
| US 10Y       | 3.73    | ▼ -2,4% | Hồi phục     | ▲ 7,2%  | ▲ 1,2%  |        |
| Dollar Index | 102.57  | ▲ 0,0%  | Suy yếu      | ▼ -0,7% | ▼ -1,3% |        |

Chỉ số hàng hóa

Năng lượng

| Chỉ số       | Giá trị | % D     | XH trung hạn | % 3M     | % 6M     | Giá 6M |
|--------------|---------|---------|--------------|----------|----------|--------|
| Dầu Brent    | 75.91   | ▼ -0,2% | Suy yếu      | ▲ 2,9%   | ▼ -5,6%  |        |
| Dầu WTI      | 71.19   | ▲ 1,4%  | Suy yếu      | ▲ 5,0%   | ▼ -6,6%  |        |
| Khí tự nhiên | 2.50    | ▼ -4,9% | Hồi phục     | ▲ 12,3%  | ▼ -48,1% |        |
| Than         | 126.61  | ▼ -1,4% | Giảm mạnh    | ▼ -26,8% | ▼ -68,4% |        |

Nông nghiệp

| Chỉ số  | Giá trị | % D     | XH trung hạn | % 3M    | % 6M    | Giá 6M |
|---------|---------|---------|--------------|---------|---------|--------|
| Bông    | 80.71   | ▼ -0,6% | Suy yếu      | ▲ 3,9%  | ▼ -7,4% |        |
| Cao su  | 132.80  | ▼ -0,3% | Suy yếu      | ▲ 2,1%  | ▲ 0,7%  |        |
| Đường   | 26.23   | ▼ -0,8% | Hồi phục     | ▲ 28,1% | ▲ 27,5% |        |
| Gạo     | 17.19   | ▼ -3,5% | Hồi phục     | ▼ -0,7% | ▼ -4,9% |        |
| Heo hơi | 59.40   | ▲ 0,2%  | Hồi phục     | ▲ 20,0% | ▲ 14,1% |        |
| Lúa mì  | 695.75  | ▲ 1,2%  | Hồi phục     | ▼ -0,7% | ▼ -7,3% |        |

Kim loại

| Chỉ số    | Giá trị | % D     | XH trung hạn | % 3M     | % 6M    | Giá 6M |
|-----------|---------|---------|--------------|----------|---------|--------|
| Quặng Sắt | 116.54  | ▼ -0,4% | Hồi phục     | ▼ -9,3%  | ▲ 5,5%  |        |
| Thép      | 3,742   | ▼ -1,0% | Hồi phục     | ▼ -11,6% | ▼ -3,6% |        |
| Thép HRC  | 911     | ▲ 2,7%  | Suy yếu      | ▼ -25,6% | ▲ 36,0% |        |
| Vàng      | 1,936   | ▼ -0,7% | Suy yếu      | ▼ -2,2%  | ▲ 6,5%  |        |

Công nghiệp

| Chỉ số | Giá trị | % D     | XH trung hạn | % 3M     | % 6M     | Giá 6M |
|--------|---------|---------|--------------|----------|----------|--------|
| Urea   | 300.50  | ▲ 0,5%  | Giảm mạnh    | ▼ -21,9% | ▼ -45,7% |        |
| Nhôm   | 2,233   | ▼ -0,2% | Suy yếu      | ▼ -1,8%  | ▼ -5,9%  |        |

Lựa chọn hàng đầu



Biểu đồ giá của DCM (theo ngày)

**Cổ phiếu** CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau - Hose

**Động lượng** D – Điểm xu hướng “yếu”, bởi DCM vẫn vận động phía dưới đường tín hiệu dài hạn Ma100, cũng như áp lực cản (giá 26) gây khó khăn.

**Xu hướng kỹ thuật** DCM vượt lên trên đường tín hiệu ngắn hạn Ma10, cho thấy áp lực cung của chuỗi 4 phiên nền đỏ liên tiếp đã với đi; neo đậu thành công trên vùng giá 25 là điểm tựa cho nhịp tích lũy tăng giá phía sau.

Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn: Chỉ báo RSI giữ ở động lượng trung lập từ khi DCM có tín hiệu mở xu hướng tăng (phiên 30/05), do đó, DCM được đánh giá tiếp diễn xu hướng tích cực trung hạn trước đó. Đường tín hiệu ma10>ma20>ma50, cho thấy DCM vẫn còn xác suất bật tăng trong những phiên tiếp theo.

**Khuyến nghị** Mục tiêu ngắn hạn: 27.5; Upside ~8.5%.  
**MUA** **Chiến lược mua:** NĐT mua thăm dò cp DCM quanh đường tín hiệu ma10 (giá 25.3). Trong TH cp vượt pivot ngắn hạn (giá 26), NĐT chủ động mở lệnh gia tăng vị thế.

**Thời gian giao dịch kỳ vọng** 1-2 tuần

| Điểm DSC     |         |           |
|--------------|---------|-----------|
| Tăng trưởng  | Giá trị | Đà tăng   |
| D            | C       | D         |
| Hành động    |         |           |
| Điểm mua     |         | 25.3      |
| Mục tiêu     |         | 27.5      |
| Cắt lỗ       |         | 24.5      |
| Reward/Risk  |         | 2.75      |
| Chỉ báo      |         | Đánh giá  |
| MA           |         | Tăng điểm |
| RSI          |         | Trung lập |
| MACD         |         | Suy yếu   |
| Mục tiêu     |         |           |
| Hỗ trợ (1)   |         | 24.8      |
| Hỗ trợ (2)   |         | 24        |
| Kháng cự (1) |         | 26        |
| Kháng cự (2) |         | 27.5      |

Ảnh hưởng của hàng hóa tới các ngành

Chú thích: (\*) Ảnh hưởng nhẹ (\*\*) Ảnh hưởng trung bình (\*\*\*) Ảnh hưởng mạnh

| Hàng hóa                     | Tác động tích cực                                                                                                    | Tác động tiêu cực                                                                                                                                        |
|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Dầu thô WTI<br>Dầu thô Brent | Dầu khí (***); Điện nước & xăng dầu khí đốt (chế biến và trung chuyển khí)(***); Thực phẩm và đồ uống (Đường mía)(*) | Hàng & Dịch vụ công nghiệp (*); Du lịch và giải trí (Hàng không), Hóa chất (Nhựa đường)(**); Ô tô và phụ tùng (*); Hàng cá nhân & Gia dụng (Dệt may) (*) |
| Khí tự nhiên                 | Điện nước & xăng dầu khí đốt (chế biến và trung chuyển khí)(***)                                                     | Điện nước & xăng dầu khí đốt (Điện khí) (***); Hóa chất (Phân bón) (**)                                                                                  |
| Than                         | Than và nhiên liệu tiêu hao (***)                                                                                    | Điện nước & xăng dầu khí đốt (Điện than) (***); Hóa chất (Phân bón) (**); Tài nguyên cơ bản (**)                                                         |
| Vàng                         | Hàng cá nhân & Gia dụng (**)                                                                                         | -                                                                                                                                                        |
| Thép<br>Thép HRC             | Tài nguyên cơ bản (***)                                                                                              | Xây dựng và vật liệu (**)                                                                                                                                |
| Quặng sắt                    | -                                                                                                                    | Tài nguyên cơ bản (Thép) (***)                                                                                                                           |
| Cao su                       | Hóa chất (***)                                                                                                       | Ô tô và phụ tùng (***)                                                                                                                                   |
| Gạo                          | Thực phẩm và đồ uống (lương thực) (**)                                                                               | Thực phẩm và đồ uống (chăn nuôi) (**)                                                                                                                    |
| Đường                        | Thực phẩm và đồ uống (Đường mía) (***)                                                                               | -                                                                                                                                                        |
| Bông                         | Hàng cá nhân & Gia dụng (ngành sợi) (***)                                                                            | Hàng cá nhân & Gia dụng (Dệt may) (**)                                                                                                                   |
| Lúa mì                       | -                                                                                                                    | Thực phẩm và đồ uống (Chăn nuôi và Bia) (***)                                                                                                            |
| Heo hơi                      | Thực phẩm và đồ uống (chăn nuôi) (***)                                                                               | -                                                                                                                                                        |
| Cá tra                       | Thực phẩm và đồ uống (thủy sản) (***)                                                                                | -                                                                                                                                                        |
| Tôm                          | Thực phẩm và đồ uống (thủy sản) (***)                                                                                | -                                                                                                                                                        |
| Urea                         | Hóa chất (phân bón) (***)                                                                                            | Thực phẩm và đồ uống (lương thực) (*)                                                                                                                    |
| Nhôm                         | Hóa chất (phân bón) (**)                                                                                             | Xây dựng và vật liệu (*)                                                                                                                                 |
| Photpho vàng                 | Hóa chất (**)                                                                                                        | Hóa chất (phân bón) (**)                                                                                                                                 |

Tích cực: Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động có lợi cho ngành

Tiêu cực: Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động bất lợi cho ngành